

Số: 172/2018/QĐDS-ST

Ngày: 01- 6-2018.

V/v “Yêu cầu tuyên bố một người
là đã chết”

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**

Thành phần giải quyết việc dân sự:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Phương Lan.
- *T ký ghi biên bản phiên họp:* Ông Lê Nhất Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 252/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về “ Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp số 09/2018/QĐPH-DS ngày 20 tháng 5 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Nam A, sinh năm 1961 (chết ngày 18/10/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A:

Bà Trần Thụy Anh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 384/8bis Đường A, Phường B, Quận C, Tp. H

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Ông Lương Ngọc P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường AT, thị xã AK, tỉnh G.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1953 (vắng mặt).

- Bà Trần Thụy Huy H2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 384/8bis Đường A, Phường B, Quận C, Tp. H

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu tuyên bố ông Trần Bắc T, sinh năm 1957; Nơi cư trú cuối cùng: 384/8 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H là đã chết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

Ông Trần Nam A yêu cầu tuyên bố ông Trần Bắc T, sinh năm 1957; Nơi cư trú cuối cùng: 384/8 Đường A, Phường B, Quận C, Tp. H nên yêu cầu của ông A là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm c khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào giấy chứng tử số 79/2017/TLKT của UBND Phường 10, Quận 10 cấp ngày 19/10/2017; giấy khai sinh số 51, quyển số 01/98 của UBND phường 10, Quận 10 cấp ngày 18/5/1998; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 265/QĐTTLH ngày 23/09/2004 của Tòa án nhân dân Quận 10 có cơ sở xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Nam A là bà Trần Thụy Ah T theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét giấy ủy quyền ngày 15/11/2017 tại Văn phòng Công chứng H2 Xuân của bà Trần Thụy Ah T là hợp lệ, nên ông Lương Ngọc P đủ tư cách đại diện bà T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Xét đơn xin vắng mặt của các đương sự bà T, ông P, bà H1 và bà H2 là hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự T hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[1]. Xét yêu cầu của người yêu cầu:

Căn cứ giấy chứng tử số 20/ĐKQH, quyển số 01/2005 của UBND Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và giấy chứng tử số 13 quyển số 01/97, đăng ký ngày 11/4/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của ông A, bà H1 và bà H2 là con của bà S và ông D có cơ sở xác định ba mẹ của ông Nam A là ông Trần Văn D và Lê Thị S đã chết. Do vậy, ông Nam A đại diện các anh chị em trong gia đình có đủ tư cách pháp lý để yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Bắc T là đã chết. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý yêu cầu ông Nam A chết nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nam A là bà T vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T là đã chết.

Căn cứ lời trình bày của người yêu cầu ông Nam A, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nam A là bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1 và bà H2 cùng xác định: ông Trần Văn D (chết năm 1997) và bà Lê Thị S (chết năm 2004) sống chung có 05 người con chung là Trần Thị H1, Trần Nam A, Trần Thị Bích N (chết năm 2016), Trần Thị Huy H2 và Trần Bắc T. Còn nhỏ ông T cùng ở chung với gia đình tại 384/8 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H. Đến năm 1988 ông T bỏ nhà đi vượt biên, không để lại bất kỳ thông tin liên lạc nào. Tại thời điểm bỏ đi ông T độc thân và chưa có con. Năm 2000, bà Lê Thị S đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 10 xác định ông T

mất tích. Từ đó gia đình cũng đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm thông qua bạn bè, người thân và trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức về ông T còn sống hay đã chết.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản án xác định công dân mất tích số 101/DS-ST ngày 05/12/2000 của Tòa án nhân dân Quận 10 và nội dung xác nhận của Công an Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định trước năm 1988, ông T cư trú tại địa chỉ 384/8 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H. Ông T đã biệt tích từ năm 1988 cho đến nay đã hơn 5 năm liền mà không có tin tức xác thực là còn sống. Do vậy, việc ông Nam A yêu cầu tuyên bố ông T là đã chết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận.

Do không xác định được ngày, tháng biết được tin tức cuối cùng của ông T, nên căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hạn ông T biệt tích được tính từ ngày 01/01/1989. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định ngày chết của ông T là ngày 02/01/1994.

[2] Về lệ phí dân sự: Ông Trần Nam A là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự, nên ông A có nghĩa vụ chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm c khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 372 và Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nam A có bà Trần Thụy Anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tuyên bố ông Trần Bắc T, sinh năm 1957; Nơi cư trú cuối cùng: 384/8 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H là đã chết.

Ngày chết của ông Trần Bắc T là ngày 02/01/1994.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình, các quan hệ về nhân thân khác và quan hệ tài sản của người bị tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết. Tài sản của người bị tuyên bố là đã chết được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Nam A chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001732 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định được tổng đạt hợp lệ, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày. Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày.

Nơi nhận:

- TAD TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- UBND Phường 10, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP



2 000028 192105

Nguyễn Phương Lan